

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2017/HC-ST
Ngày: 31 - 8 - 2017
V/v khiếu kiện quyết định hành
chính về quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Liên.
2. Bà Trần Thị Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2017/TLST-HC ngày 18 tháng 4 năm 2017 về “*Kiểm quyết định hành chính về quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2017/QĐXXST-HC ngày 11 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1957 (Có mặt).

Địa chỉ: Đường L, tổ dân phố T, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân (UBND) huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình T – Phó Chủ tịch UBND huyện E (Văn bản ủy quyền ngày 04/8/2017), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Đường Q, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Nguyễn Văn D – Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện E (Vắng mặt).

- Ông Đinh Tiến D – Giám đốc Chi nhánh trung tâm phát triển quỹ đất huyện E (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Năm 2008, để phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng thi công công trình Kênh C, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện E đã đo đạc, xác định ranh giới đất của các hộ thu hồi. Qua xác minh, hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng đã xác định trong diện tích đất mà bà Bùi Thị H đang sử dụng có diện tích đất của ba hộ ông Y K Êban, ông Trần Ngọc T, ông Trần Kim M. Ngày 23/10/2008, UBND huyện E ban hành Quyết định 1425/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của 18 hộ gia đình, cá nhân để xây dựng công trình kênh C (đoạn từ K0 đến hồ T) trong đó, thu hồi diện tích 629 m² thuộc tờ bản đồ số 2, thửa đất số 37 mà các hộ bà Bùi Thị H, ông Y K Êban, ông Trần Ngọc T, ông Trần Kim M đang tranh chấp. Đồng thời, ngày 30/11/2008, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện E đã ban hành Phương án chi tiết bồi thường, trong đó, bà Bùi Thị H được bồi thường 104.472.288 đồng, Tuy nhiên, kinh phí bồi thường của 04 hộ được giao cho UBND thị trấn E quản lý cho đến khi có kết quả giải quyết tranh chấp đất đai.

Năm 2010, bà Vũ Thị K có tranh chấp với bà Bùi Thị H. Ngày 27/5/2011, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 1317/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Bùi Thị H và bà Vũ Thị K, trong đó công nhận quyền sử dụng 720m² đất bà H đã sử dụng ổn định từ năm 1990 đến nay trên phần diện tích đất đã cấp cho hộ ông T, ông M, ông C (trước đây) nhưng không sử dụng.

Ngày 18/11/2011, UBND huyện E ban hành Quyết định số 2355/QĐ-UBND, Quyết định số 2354/QĐ-UBND thu hồi và phê duyệt chi tiết phương án bồi thường đối với 465m² đất của hộ gia đình bà Bùi Thị H, tại thửa đất số 37a, tờ bản đồ số 02 để xây dựng công trình kênh C, huyện E, trong đó, bà H được bồi thường số tiền 273.632.000 đồng.

Đến năm 2016, bà H có đơn cho rằng Nhà nước thu hồi 629m² đất của gia đình bà H để thi công công trình kênh C, nhưng mới chỉ ban hành quyết định thu hồi 465m² đất, còn 164m² đất chưa ban hành quyết định thu hồi. Sau khi xem xét, ngày 12/9/2016, UBND huyện E ban hành Quyết định số 2862/QĐ-UBND về việc đính chính danh sách thu hồi đất kèm theo Quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày 23/10/2008 của UBND huyện, trong đó đính chính việc thu hồi 629 m² thuộc tờ bản đồ số 2, thửa đất số 37 mà các hộ bà Bùi Thị H, ông Y K Êban, ông Trần Ngọc T, ông Trần Kim M đang tranh chấp thành thu hồi 465m² đất thuộc tờ bản đồ số 2, thửa đất số 37a có tranh chấp của các hộ bà Bùi Thị H, ông Y K Êban, ông Trần Ngọc T, ông Trần Kim M và thu hồi 164m² đất thuộc tờ bản đồ số 2, thửa đất số 37 không có tranh chấp của bà Bùi Thị H.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện - Bà Bùi Thị H cho rằng:*

UBND huyện E không ban hành Quyết định thu hồi đối với 164m² đất của gia đình bà. Việc UBND huyện E ban hành Quyết định số 2862/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 về việc đính chính danh sách thu hồi đất kèm theo Quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày 23/10/2008 của UBND huyện E là trái pháp luật. Đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 2862/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 của UBND huyện E và buộc UBND huyện E ban hành Quyết định thu hồi đủ 629 m² đất và phê duyệt phương án bồi thường theo quy định của pháp luật tại thời điểm thu hồi, trong đó có tính lãi phát sinh từ ngày có phương án bồi thường (năm 2008) đến nay.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:*

Tại Quyết định 1425/QĐ-UBND ngày 23/10/2008 của UBND huyện E về việc thu hồi đất của 18 hộ gia đình, cá nhân để xây dựng công trình kênh C (đoạn từ K0 đến hồ T), thì bà Bùi Thị H bị thu hồi 164m² đất có nguồn gốc UBND huyện đã giao cho bà H từ năm 1988, không có tranh chấp và UBND huyện đã bồi thường cho bà H với số tiền 104.472.288 đồng (Gồm tiền bồi thường 164m² đất = 55.040.000 đồng, tiền bồi thường về tài sản cây hoa màu và vật kiến trúc trên đất = 49.432.288 đồng) nhưng bà H không nhận; còn 465m² đất của bà H lấn chiếm cũng bị thu hồi, nhưng do đang xảy ra tranh chấp giữa bà H với các hộ ông Y K Êban, hộ ông Trần Ngọc T và hộ ông Trần Kim M nên chưa bồi thường.

Tuy nhiên, do sơ suất trong quá trình lập danh sách thu hồi đất của các hộ kèm theo Quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày 23/10/2008 nên UBND huyện E đã gộp cả phần diện tích đất 164m² đất của bà H không tranh chấp vào diện tích 465m² có tranh chấp thành tổng diện tích đất có tranh chấp là 629m². Song trên thực tế, UBND huyện E đã xác định 164m² đất của bà H là không tranh chấp nên mới lập phương án bồi thường cho bà H và mời bà H đến nhận tiền bồi thường, hỗ trợ.

Khi phát hiện ra sai sót, UBND huyện E đã căn cứ khoản 7 Điều 1 Nghị định 09/2010/NĐ-CP ngày 08/02/2010 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 110/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2004 của Chính phủ về công tác văn thư để ban hành Quyết định số 2862/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 đính chính nội dung sai sót này theo quy định của pháp luật.

Do đó, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị H về việc hủy Quyết định 2862/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 của UBND huyện E.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại, tuy nhiên, UBND huyện E đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành đối thoại được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án cũng như các đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng với quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị H, hủy Quyết định số 2862/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 về việc đính chính danh sách thu hồi đất kèm theo Quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày 23/10/2008 của UBND huyện; hủy một phần Quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày 23/10/2008 của UBND huyện E đối với nội dung thu hồi 164m² đất có tranh chấp của bà Bùi Thị H; Buộc UBND huyện E phải ban hành Quyết định thu hồi và phê duyệt phương án bồi thường đối với 164m² đất của gia đình bà Bùi Thị H theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 23/10/2008, UBND huyện E ban hành Quyết định số 1425/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của 18 hộ gia đình, cá nhân để xây dựng công trình kênh C (đoạn từ K0 đến hồ T) trong đó, thu hồi diện tích 629 m² thuộc tờ bản đồ số 2, thửa đất số 37 mà các hộ bà Bùi Thị H, ông Y K Êban, ông Trần Ngọc T, ông Trần Kim M đang tranh chấp.

Ngày 18/11/2011, UBND huyện E ban hành Quyết định số 2355/QĐ-UBND, Quyết định số 2354/QĐ-UBND thu hồi và phê duyệt chi tiết phương án bồi thường đối với 465m² đất của hộ gia đình bà Bùi Thị H.

Không đồng ý với các quyết định trên, bà Bùi Thị H khiếu nại. Ngày 12/9/2016, UBND huyện E ban hành Quyết định số 2862/QĐ-UBND về việc đính chính danh sách thu hồi đất kèm theo Quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày 23/10/2008 của UBND huyện.

Như vậy, Quyết định số 2862/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 có nội dung đính chính, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày 23/10/2008 (là Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai bị khiếu nại) nên quyết định này là quyết định hành chính, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính 2015.

Ngày 02/4/2017, bà H khởi kiện tại Tòa án nhân tỉnh Đắk Lắk, yêu cầu hủy Quyết định số 2862/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 của UBND huyện E và buộc UBND huyện E ban hành Quyết định thu hồi đủ 629 m² đất và phê duyệt phương án bồi thường theo quy định của pháp luật, là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng hành chính 2015.

Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị H, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 2862/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 của UBND huyện E:

Tại khoản 7 Điều 1 Nghị định 09/2010/NĐ-CP ngày 08/02/2010 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 110/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2004 của Chính Phủ về công tác văn thư quy định: *“Văn bản đã phát hành nhưng có sai sót về nội dung phải được sửa đổi, thay thế bằng văn bản có hình thức tương đương của cơ quan, tổ chức ban hành văn bản. Văn bản đã phát hành nhưng có sai sót về thể thức, kỹ thuật trình bày, thủ tục ban hành phải được đính chính bằng văn bản hành chính của cơ quan, tổ chức ban hành văn bản”*. Điều 30 Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật quy định: *“Trong quá trình kiểm tra phát hiện văn bản chỉ sai về căn cứ pháp lý được viện dẫn, thể thức, kỹ thuật trình bày còn nội dung của văn bản phù hợp với quy định của pháp luật, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp thì đính chính đối với những sai sót đó”*.

Quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày 23/10/2008 của UBND huyện E có sai sót về nội dung thu hồi 164m² đất thuộc tờ bản đồ số 2, thửa đất số 37 không có tranh chấp của bà Bùi Thị H, không sai sót về thể thức, kỹ thuật trình bày, thủ tục ban hành nhưng UBND huyện E ban hành Quyết định số 2862/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 đính chính quyết định này là không đúng quy định của pháp luật. Mặt khác, văn bản đính chính phải là văn bản của UBND huyện E nhưng thể thức văn bản đính chính là văn bản bản của Chủ tịch UBND huyện E là không đúng. Lẽ ra, UBND huyện E phải ban hành một quyết định khác có nội dung sửa đổi Quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày 23/10/2008.

[2.2] Về việc ban hành Quyết định thu hồi, phê duyệt phương án bồi thường đối với 164m² đất của hộ bà H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Các bên đều thừa nhận tại thời điểm thu hồi đất, diện tích 164m² đất của hộ bà H không có tranh chấp. Tuy nhiên, Quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày

23/10/2008 của UBND huyện E xác định toàn bộ diện tích đất bị thu hồi (629 m²) có tranh chấp. Ngoài ra, tại Phương án số 02/PA-HĐBTGPMB ngày 30/11/2008, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện E xác định bà H đủ điều kiện bồi thường về đất nhưng đang có tranh chấp về quyền sử dụng đất, tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 104.472.288 đồng và không nêu rõ số tiền trên bồi thường đối với diện tích nào; đồng thời kết luận: *“Đối với 04 hộ: Hộ bà Bùi Thị H; Hộ ông Trần Kim M; Hộ ông Trần Ngọc T và hộ ông Y K Êban hiện đang có tranh chấp về quyền sử dụng đất, Kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng đối với 04 hộ trên đề nghị giao cho UBND thị trấn E quản lý, Sau khi có kết quả giải quyết tranh chấp về quyền sử dụng đất đối với 04 hộ thì UBND thị trấn căn cứ vào kết quả giải quyết để thanh toán tiền cho các hộ gia đình”*.

Do vậy, việc UBND huyện E ban hành Quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày 23/10/2008 thu hồi 629 m² đất có tranh chấp, trong đó có 164m² đất không có tranh chấp của bà Bùi Thị H là không đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra, UBND huyện E cho rằng đã tiến hành bồi thường cho bà H theo Quyết định số 2048/QĐ-UBND ngày 09/12/2008 nhưng bà H không nhận là không đúng. Vì Quyết định số 2048/QĐ-UBND ngày 09/12/2008 thực hiện theo Phương án số 02/PA-HĐBTGPMB ngày 30/11/2008 của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện E, giao toàn bộ số tiền bồi thường đối với 629 m² đất có tranh chấp cho UBND thị trấn E quản lý.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần hủy toàn bộ Quyết định số 2862/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 của UBND huyện E; Hủy một phần Quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày 23/10/2008 của UBND huyện E đối với nội dung thu hồi 164m² đất có tranh chấp của hộ bà Bùi Thị H; buộc UBND huyện E phải ban hành Quyết định thu hồi đối với 164m² đất của hộ bà H và tiến hành phê duyệt phương án bồi thường theo quy định của pháp luật.

[2.3] Đối với yêu cầu của bà H đề nghị Tòa án buộc UBND huyện E phải phê duyệt phương án bồi thường, trong đó có tính lãi phát sinh từ ngày có phương án bồi thường (năm 2008) đến nay, Hội đồng xét xử xét thấy:

UBND huyện E ban hành Quyết định thu hồi và phê duyệt phương án bồi thường đối với 164m² đất của bà (vào năm 2008) nhưng không đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử buộc UBND huyện E phải ban hành quyết định thu hồi mới. Do đó, phương án bồi thường sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm thu hồi đất (theo khoản 2 Điều 74 Luật đất đai năm 2013). Vì vậy, yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày có phương án bồi thường đến nay của bà là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị H được chấp nhận một phần nên bà H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. UBND huyện E phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính 2015;

Áp dụng khoản 7 Điều 1 Nghị định 09/2010/NĐ-CP ngày 08/02/2010 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 110/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2004 của Chính Phủ về công tác văn thư; Điều 30 Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật; Điều 74 Luật đất đai năm 2013;

Áp dụng khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

* Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị H.

- Hủy Quyết định số 2862/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 về việc đính chính danh sách thu hồi đất kèm theo Quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày 23/10/2008 của UBND huyện.

- Hủy một phần Quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày 23/10/2008 của UBND huyện E đối với nội dung thu hồi 164m² đất có tranh chấp của hộ bà Bùi Thị H.

- Buộc UBND huyện E phải ban hành Quyết định thu hồi đối với 164m² đất thuộc tờ bản đồ số 2, thửa đất số 37 của hộ bà Bùi Thị H và tiến hành phê duyệt phương án bồi thường theo quy định của pháp luật.

* Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị H về việc yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện E phải ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường trong đó có tính lãi phát sinh từ ngày có phương án bồi thường (năm 2008) đến nay.

2. Về án phí: Bà Bùi Thị H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí hành chính đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0001161 ngày 14/4/2017 của Cục Thi hành án hình sự tỉnh Đắk Lắk. Người bị kiện – UBND huyện E phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Người khởi kiện có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- UBND tỉnh Đắk Lắk;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Chung